HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 70/2026/NQ-HĐND	*Lâm Đồng, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở Đảng ở những nơi có đặc điểm riêng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 04/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Xét Tờ trình số 18335/TTr-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định một số mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở Đảng ở những nơi có đặc điểm riêng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở Đảng ở những nơi có đặc điểm riêng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh ủy, thành ủy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đảng ủy xã, phường, đặc khu, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Mức chi xây dựng và thẩm định văn bản trình đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng ban hành

1. Chi xây dựng văn bản mới (hoặc văn bản thay thế)

Văn bản trình đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy là nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án hoặc không xây dựng đề án. Đối với văn bản trình qua nhiều cấp thì được áp dụng mức chi xây dựng văn bản trình cấp cao nhất.

a) Văn bản do đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng quyết định ban hành.

Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi 20.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi 16.000.000 đồng/văn bản.

Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện, mức chi 16.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản do ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng quyết định ban hành.

Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi 16.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi 12.000.000 đồng/văn bản.

Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện, mức chi 12.000.000 đồng/văn bản.

2. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: Mức chi bằng 60% mức chi quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Mức chi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Điều 5 Quy định số 113-QĐ/VPTW.

4. Chi thẩm định văn bản (bao gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án)

a) Văn bản trình đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng.

Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi 6.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi 4.800.000 đồng/văn bản.

Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện, mức chi 4.800.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản trình ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng

Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi 4.800.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi 4.000.000 đồng/văn bản.

Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện, mức chi 4.000.000 đồng/văn bản.

c) Đối với văn bản chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định về thẩm quyền và thể thức văn bản, mức chi bằng 30% mức chi thẩm định tương ứng quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.

d) Mức chi quy định tại điểm a, b và c khoản 4 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành. Sản phẩm thẩm định văn bản nêu trên gồm: Báo cáo thẩm định, ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc thể hiện tại biên bản họp thẩm định.

đ) Kinh phí thẩm định do cơ quan được giao nhiệm vụ (bằng văn bản của cấp có thẩm quyền) chủ trì thẩm định chi.

5. Đối với cán bộ, công chức tham gia các đoàn công tác theo chương trình, đề án, cơ quan chủ trì chương trình, đề án chịu trách nhiệm thanh toán chi phí đi lại; trường hợp thành viên đoàn công tác không đi tập trung cùng đoàn đến nơi công tác thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác chịu trách nhiệm thanh toán chi phí đi lại. Tiền phụ cấp lưu trú và tiền thuê phòng nghỉ do cơ quan, đơn vị cử người tham gia đoàn công tác thanh toán theo quy định hiện hành.

Điều 5. Mức chi xây dựng một số văn bản khác trình đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng

1. Xây dựng chương trình làm việc toàn khóa, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của đảng ủy, mức chi: 12.000.000 đồng/chương trình/báo cáo.

2. Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa của đảng ủy; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác tài chính đảng; báo cáo sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết của tỉnh, mức chi: 6.000.000 đồng/chương trình/báo cáo.

3. Xây dựng các báo cáo, bao gồm: Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của đảng ủy; báo cáo tổng kết năm của đảng ủy; báo cáo tổng kết năm công tác kiểm tra, giám sát của đảng ủy; báo cáo công tác tài chính đảng hằng năm của đảng ủy, mức chi: 3.600.000 đồng/báo cáo.

4. Xây dựng chương trình làm việc năm của đảng ủy, mức chi: 2.800.000 đồng/chương trình.

5. Chi xây dựng chỉ thị; kết luận; chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết của đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy, mức chi: 2.000.000 đồng/văn bản.

Điều 6. Mức chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng

1. Đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp dưới quản lý, mức chi: 12.000.000 đồng/đoàn (tổ).

2. Đoàn giải quyết tố cáo, mức chi: 8.000.000 đồng/đoàn (tổ).

3. Đoàn kiểm tra, giám sát *(ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm)*; Đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, mức chi: 6.400.000 đồng/đoàn (tổ).

4. Nội dung chi: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Quy định số 113-QĐ/VPTW.

Điều 7. Mức chi trang phục cho Đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng

1. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, phường, đặc khu và đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng; cán bộ, công chức, người lao động làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng được hỗ trợ tiền may trang phục, mức chi 500.000 đồng/người/năm.

2. Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân thì thực hiện theo chế độ của Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân (mỗi đối tượng chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất).

3. Chế độ trang phục đối với người làm công tác cơ yếu thực hiện theo quy định hiện hành; không áp dụng quy định tại Điều này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 11 năm 2026.

2. Đối với nội dung chi của các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2026 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực, nhưng chưa thực hiện thanh toán, thì được áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết này để thực hiện và thanh quyết toán theo quy định**.**

3. Các nội dung chi, mức chi không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Quy định số 113-QĐ/VPTW và các quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa XI, Kỳ họp thứ 9 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy, TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm LT và DVVL tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Lưu Văn Trung